

128491

**Tên thuốc:** CUFO LOZENGES (LEMON)

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em*

**Thành phần:** mỗi viên ngậm có chứa:

2,4-Dichlorobenzyl Alcohol.....1.2 mg

Amylmetacresol BP.....0.6 mg

**Tá dược:** Sucrose, Liquid Glucose, Citric Acid Monohydrat, Mentha Oil, Colour quinoline yellow, Anise Oil, Lemon oil conc, nước tinh khiết

**Dạng bào chế:** Viên ngậm hình tròn lõm hai mặt, màu vàng, có vị ngọt với hương chanh

**Dược lực học:**

Nhóm dược lý: thuốc tác dụng trên đường hô hấp

2,4-dichlorobenzyl alcohol và amylmetacresol có tính kháng khuẩn

**Dược động học:**

Với dạng bào chế viên ngậm, hai hoạt chất kết hợp có tác dụng hiệu quả tại chỗ lên vòm họng

**Chỉ định:**

Hỗ trợ điều trị triệu chứng trong nhiễm khuẩn miệng và họng

**Liều dùng và cách dùng:**

**Liều dùng**

Người lớn và trẻ em trên 6 tuổi: Thuốc dùng bằng đường miệng

Ngậm 1 viên / lần, mỗi lần dùng cách nhau 2- 3 giờ, sử dụng tối đa 12 viên trong 24 giờ

Không dùng cho trẻ em dưới 6 tuổi

**Chống chỉ định:**

Chống chỉ định với những bệnh nhân dị ứng với bất kì thành phần nào của thuốc

**Cảnh báo và thận trọng:**

Chưa có báo cáo nào được ghi nhận về những triệu chứng lạ xuất hiện khi dùng thuốc

Không dùng cho trẻ em dưới 6 tuổi

Nếu triệu chứng không đỡ hoặc trầm trọng hơn sau 3 ngày, liên hệ bác sĩ

Tá dược sucrose/glucose: bệnh nhân có vấn đề di truyền hiếm gặp về việc không dung nạp fructose, kém hấp thu glucose-galactose hay thiếu hụt sucrose-isomaltase không nên dùng thuốc này

**Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc**

Không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

**Tương tác thuốc:**

Không có tương tác nào đáng kể được ghi nhận

**Tác dụng không mong muốn:**

Danh mục tác dụng không mong muốn sau đây liên quan đến những người đã dùng thuốc không kê đơn trong một thời gian ngắn

Tác dụng không mong muốn liên quan đến 2,4-dichlorobenzyl alcohol và amylmetacresol được đưa ra dưới đây, được xếp loại theo tần suất và hệ cơ quan. Tần suất được xác định: phổ biến ( $\geq 1 / 10$ ); Thường gặp ( $\geq 1 / 100$  và  $< 1/10$ ); Ít gặp ( $\geq 1 / 1000$  và  $< 1/100$ ); Hiếm ( $\geq 1 / 10.000$  và  $< 1/1000$ ); Rất hiếm ( $< 1 / 10.000$ ); Chưa rõ (không thể ước tính được từ dữ liệu có sẵn). Trong mỗi nhóm tần suất, các tác dụng không mong muốn được trình bày theo thứ tự giảm mức độ nghiêm trọng.

Hệ cơ quan	Tần suất	Tác dụng không mong muốn
Rối loạn hệ miễn dịch	Chưa rõ	Quá mẫn
Rối loạn hệ tiêu hóa	Chưa rõ	Khó chịu trong miệng, đau lưỡi

**Cần báo ngay cho bác sĩ, dược sĩ biết tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.**

**Phụ nữ có thai và cho con bú:**

Chưa có báo cáo an toàn được thiết lập, vì vậy khuyến cáo không nên sử dụng thuốc này cho phụ nữ mang thai và cho con bú

**Quá liều và xử trí:**

Dùng quá liều có thể gây khó chịu về đường tiêu hóa. Trong trường hợp này tiến hành điều trị triệu chứng.

**Bảo quản:**

Nơi khô mát tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C  
Đề thuốc xa tầm tay trẻ em

**Đóng gói:**

Hộp 2 vỉ x 12 viên ngậm

**Hạn dùng**

3 năm kể từ ngày sản xuất

**Tiêu chuẩn:** nhà sản xuất



Sản xuất tại Ấn Độ bởi:

**UNIQUE PHARMACEUTICAL LABORATORIES**

(A Div. of J.B. Chemicals & Pharmaceuticals Ltd)

Survey no. 101/2 & 102/1, Daman Industrial Estate,

Airport Road, Village-Kadaiya,

Daman-396 210, Ấn Độ.